

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ L
TỈNH AN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2020/HNGĐ - ST

Ngày 04-02-2020

“Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Nam

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Thanh Việt

2. Ông Lê Thành Thật

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L.

Ngày 04 tháng 02 năm 2020 tại Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 734/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Kim H, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Tổ 16, ấp M, xã M, thành phố L, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Anh Đặng Minh Đ, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Tổ 16, ấp M, xã M, thành phố L, tỉnh An Giang.

(Nguyên đơn, bị đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/11/2019 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Phạm Thị Kim H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Đ quen biết, tìm hiểu và tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2007, có đăng ký kết hôn trễ hạn tại UBND xã M, thành phố L vào ngày 04/10/2007, đây là hôn nhân lần thứ nhất của chị H và anh Đ. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm dẫn đến cự cãi nên cả hai không còn sống chung. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị H và anh Đ có 03 con chung tên Đặng Ngọc Mai Q, sinh ngày 04/12/2009; Đặng Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 19/02/2015 và Đặng Ngọc Quỳnh K, sinh ngày 19/02/2015. Hiện 03 con chung đang do chị H chăm sóc và nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, chị H yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 03 con chung và không yêu cầu cấp dưỡng

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

* Bị đơn Đặng Minh Đ vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử nhưng gửi văn bản trình bày ý kiến trình bày:

Về hôn nhân: Anh Đ thống nhất với chị H về thời gian tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, hôn nhân lần thứ nhất của anh chị. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bà H phát hiện trong tin nhắn của mạng xã hội Zalo có người nhắn tin với từ ngữ gây hiểu lầm nên bà H ghen tuông vô cớ, dẫn đến vợ chồng cự cãi và dẫn con về nhà cha mẹ ruột ở cho đến nay. Ông Đ nhiều lần giải thích nhưng bà H không đồng ý và yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì ông Đ đồng ý.

Về con chung: Chị H và anh Đ có 03 con chung tên Đặng Ngọc Mai Q, sinh ngày 04/12/2009; Đặng Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 19/02/2015 và Đặng Ngọc Quỳnh K, sinh ngày 19/02/2015. Hiện 03 con chung đang do chị H chăm sóc và nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, anh Đ đồng ý để chị H tiếp tục nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Theo yêu cầu của chị H.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Nguyên đơn chị Phạm Thị Kim H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn anh Đặng Minh Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Tranh chấp giữa chị Phạm Thị Kim H và anh Đặng Minh Đ là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn đăng ký thường trú tại xã M, thành phố L nên nguyên đơn khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Nguyên đơn, đơn bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về nội dung tranh chấp

[1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ trích lục kết hôn số 545 ngày 25/10/2017 của Ủy ban nhân dân xã M, thành phố L, tỉnh An Giang, điều này thể hiện giữa nguyên đơn, bị đơn tiến đến hôn nhân xuất phát từ sự tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo qui định của pháp luật, phù hợp Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống, nguyên đơn cho rằng vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Đ không có trách nhiệm với gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị H đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh Đ không sửa đổi, hiện tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc.

Xét thấy, trong quan hệ hôn nhân vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, tin tưởng nhau và chia sẻ những khó khăn để vượt qua thử thách, đây là cơ sở vững chắc để bồi đắp cho hôn nhân, cho gia đình hạnh phúc. Giữa nguyên đơn, bị đơn đã có thời gian quen biết, tìm hiểu và tiến đến hôn nhân xuất phát từ tình cảm yêu thương, nhưng khi đã thành vợ chồng thì cả hai không xây dựng gia đình hạnh phúc, không tin tưởng nhau trong đời sống vợ chồng. Quá trình chuẩn bị xét xử, chị H vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn, anh Đ nhận được thông báo của Tòa án nhưng không trực tiếp đến Tòa để tham gia hòa hòa giải, hàn gắn quan hệ hôn nhân với chị H nhưng anh Đ vẫn đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H, điều này thể hiện tình cảm vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn là có căn cứ, phù hợp với Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

[2] Về con chung: Chị H và anh Đ có 03 con chung tên Đặng Ngọc Mai Q, sinh ngày 04/12/2009; Đặng Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 19/02/2015 và Đặng Ngọc Quỳnh K, sinh ngày 19/02/2015. Hiện 03 con chung đang do chị H chăm sóc và nuôi dưỡng. Do đó, để tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển tốt về thể chất, tinh thần và đảm bảo cho việc học hành cho con chung cũng như xem xét điều kiện, hoàn cảnh của chị H và nguyện vọng của con chung tên Đặng Ngọc Mai Q, sinh ngày 04/12/2009 theo biên bản ghi lời khai được Tòa án lập ngày 20/12/2019. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị H và gia đình của chị H phải tạo điều kiện cho anh Đ được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đ không phải cấp dưỡng do chị H không có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung: Chị H, anh Đ thống nhất không có tài sản chung nên xem xét đến.

[5] Về nợ chung: Không có

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo qui định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238; Điều 266; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án;

Xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

* **Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Thị Kim H.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Kim H được ly hôn với anh Đặng Minh Đ.

[2] Về con chung: Chị Phạm Thị Kim H được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 03 con chung tên Đặng Ngọc Mai Q, sinh ngày 04/12/2009; Đặng Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 19/02/2015 và Đặng Ngọc Quỳnh K, sinh ngày 19/02/2015.

Chị H và gia đình của chị H phải tạo điều kiện cho anh Đ được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đ không phải cấp dưỡng do chị H không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn chị Phạm Thị Kim H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu

trừ vào tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005832 ngày 02/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố L. Nguyên đơn đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí.

[7] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

(Giải thích điều 26 Luật thi hành án dân sự)

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục T.H. A dân sự TPL;
- VKSND TPL;
- Phòng KTNV - TAND tỉnh An Giang;
- **UBND xã M, TP.L;**
- Lưu hồ sơ + VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc Nam